

(Biểu số 03 -Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Viện Hàn lâm KHCNVN
Chương: 046

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ II

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ:

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý II	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quý II năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	17.000,0	2.865,0	16,85%	34,90%
I	Số thu phí, lệ phí	17.000,0	2.865,0	16,85%	34,90%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	16.150,0	1.040,7	6,44%	65,60%
I	<i>Chi sự nghiệp văn hoá thông tin</i>	16.150,0	1.040,7	6,44%	65,60%
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	16.150,0	1.040,7	6,44%	65,60%
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	850,0	143,25	16,90%	35,00%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.415.776,3	576.901,5	40,75%	109,00%
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.319.044,3	574.922,5	43,59%	139,27%
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	1.200.367,3	564.496,0	47,03%	219,02%
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	418.468,3	221.062,0	52,83%	168,05%
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>	124.660,0	92.609,0	74,29%	95,19%
	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	293.808,3	128.453,0	43,72%	88,00%
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	337.790,5	158.365,0	46,88%	162,00%
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	444.108,5	185.069,0	41,67%	327,00%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	77.879,0	16.020,8	40,12%	193,76%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	40.110,0	14.902,1	37,15%	282,88%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	37.769,0	1.118,7	2,96%	104,65%
6	Chi hoạt động kinh tế	10.450,0	2.301,3	22,02%	144,55%
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.450,0	2.301,3	22,02%	144,55%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý II	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quý II năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	12.100,0	3.358,0	27,75%	86,00%
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12.100,0	3.358,0	27,75%	86,00%
8	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	18.248,0	4.767,2	26,12%	53,00%
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	18.248,0	4.767,2	26,12%	53,00%
II	Nguồn viện trợ	7.722,0	1.240,5	16,06%	77,00%
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	7.722,0	1.240,5	16,06%	77,00%
	Chương trình tài trợ nghiên cứu theo mục tiêu của Quỹ Simons cho Viện Toán học	4.535,0	452,5	9,98%	47,00%
	Tuyển chọn vi khuẩn lactic sinh bacteriocin từ thực phẩm lên men truyền thống của Việt Nam	172,0	172,0	100,00%	100,00%
	Nghiên cứu bệnh sán lá lây truyền cho người và động vật qua thức ăn và kiểm soát tổng hợp ở Việt Nam.	490,0	-	0,00%	0,00%
	Nghiên cứu phát hiện các hợp chất có hoạt tính chống lao từ một số sinh vật biển của Việt Nam	2.525,0	616,0	24,40%	161,00%
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	89.010,0	738,5	0,83%	109,60%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	89.010,0	738,5	0,83%	109,60%
	Kinh phí vốn vay dự án xây dựng Trường ĐH Khoa học và Công nghệ Hà Nội	89.010,0	738,5	0,80%	109,60%

Nơi nhận:

- Chủ tịch Viện Hàn lâm (để b/c);
- PCT. Phan Ngọc Minh (để b/c);
- TT Tin học và Tính toán (đăng Website)
- Lưu: VT, KHTC.NT5

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2020

TL.CHỦ TỊCH

TRƯỞNG BAN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH



LÊ TRƯỜNG GIANG